

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT DI LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THPTDL

Di Linh, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Di Linh.

2. Địa chỉ: Số 01, Lương Thế Vinh, thôn 16, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Điện thoại: 02633870355

Website: <https://thptdilinh.lamdong.edu.vn>

4. Loại hình: Trường trung học phổ thông công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

5. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường THPT Di Linh được thành lập vào năm 1957 tiền thân của trường THCS Lê Lợi, tại địa chỉ số 01, đường Lương Thế Vinh, Tổ DP 16 thị trấn Di Linh tỉnh Lâm Đồng. Năm 2021, trường THPT Di Linh được UBND Tỉnh Lâm Đồng công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

- Trường THPT Di Linh là trường công lập do UBND tỉnh Lâm Đồng thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD THPT do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Có nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục dưới sự quản lý, chỉ đạo của Sở GD&ĐT Lâm Đồng.

7. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Cao Xuân Tuấn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 01, Lương Thế Vinh, thôn 16, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại: 0948482779 Gmail: caotuan1459@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường THPT Di Linh được thành lập vào năm 1957 tiền thân của trường THCS Lê Lợi, tại địa chỉ số 01, đường Lương Thế Vinh, thôn 16, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 117/QĐ-SGD&ĐT ngày 21/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào Tạo Lâm Đồng Về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Di Linh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Ông Cao Xuân Tuấn	BTCB, Hiệu Trưởng	THPT Di Linh		
2	Ông Nguyễn Trọng Hoàng	CTCD	THPT Di Linh		
3	Ông Phạm Trọng Hữu	BT Đoàn trường	THPT Di Linh		
4	Mời bà Phạm Thị Sâm	Phó CT UBND thị trấn Di Linh	UBND xã Di Linh		
5	Ông Bùi Văn Bảy	Trưởng ban Đại diện CMHS	THPT Di Linh		
6	Bà Lý Thị Mai Phương	Tổ trưởng văn phòng	THPT Di Linh		
7	Ông Trần Kim Tùng	TTCM	THPT Di Linh		
8	Bà Vũ Thị Bích Lệ	TTCM	THPT Di Linh		
9	Em Lê Thị Yến Nhi	HS lớp 11A2	THPT Di Linh		

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

Quyết định số 1179/QĐ- SGDDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với viên chức ông Cao Xuân Tuấn, sinh ngày 16/10/1983, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Huệ giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Di Linh, kể từ ngày 09/01/2023.

Quyết định số 254/QĐ- SGDDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc bổ nhiệm lại chức vụ đối với viên chức ông Nguyễn Văn Chương, sinh ngày 22/7/1965 Phó hiệu trưởng Trường THPT Di Linh kể từ 4/2023.

Quyết định số 456/QĐ- SGDDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc bổ nhiệm chức vụ đối với viên chức ông Nguyễn Trọng Hoàng, sinh ngày 05/11/1979 Phó hiệu trưởng Trường THPT Di Linh kể từ 6/2025

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường THPT Di Linh:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường THPT Di Linh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo Lâm Đồng.

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

+ Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:*

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 37 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: có 33 Chi đoàn (gồm 33 chi đoàn lớp).

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 06 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn Phòng .

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Cao Xuân Tuấn	Hiệu trưởng	0948482779	Caotuan1459@gmail.com
2	Nguyễn Văn Chương	P. Hiệu trưởng	0984281310	nvhuong.c3dilinh@lamdong.edu.vn
3	Nguyễn Trọng Hoàng	P. Hiệu trưởng	0978641223	tronghoangdl@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 01, Lương Thế Vinh, thôn 16, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 299/KH-THPTDL ngày 30/03/2021 kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 89/QĐ-THPTDL ngày 19/9/2024 về việc Thanh lập Ban chỉ đạo và phân công thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

10. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Sở GD&ĐT đánh giá: Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 73 (trong đó Tốt: 35/73, tỉ lệ 47,9%; Khá 38/73, tỉ lệ 52,1%; Đạt: 0/73, tỉ lệ 0%.

11. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 74/74, tỉ lệ 100% trong đó BGH:03, GV: 71.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

* Các chỉ số về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	33/33	43,4HS/ lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm, mượn	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	23.600 m ²	16,5 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	Sân chơi: 4000m ² Bãi tập : 6000 m ²	7 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54 m ² x 33 phòng= 1782 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	1 phòng =56 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0 m ²	

4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0 m ²	
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	3 phòng = 168 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động đoàn	1 phòng = 67 m ²	
	Các phòng khác:		
10	Phòng Y tế	1 phòng = 12 m ²	
11	Phòng họp Hội đồng sư phạm	96 m ²	
12	Phòng Hiệu trưởng	1 phòng = 15 m ²	
13	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1 phòng = 12 m ²	
14	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	1 phòng = 12 m ²	
15	Văn phòng trường	1 phòng = 15 m ²	
16	Phòng giáo viên	1 phòng = 96 m ²	
17	Phòng Thường trực Bảo vệ	1 phòng = 10 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo qui định		
1.1	Khối lớp 10	1	1bộ/khối
1.2	Khối lớp 11	1	1bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12	1	1bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với qui định		
1.1	Khối lớp 10	0	
1.2	Khối lớp 11	0	
1.3	Khối lớp 12	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập và làm việc (Đơn vị tính: bộ)	*96 máy vi tính để bàn: Phòng tin 1: 30 máy Phòng tin 2: 30 máy Phòng tin 3: 30 máy - Phòng làm việc: 6 máy tính bàn và 4 máy vi tính xách tay.	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	42	
1	Bảng tương tác phục vụ hoạt động chung	2	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác: Tivi phục vụ học tập trên các phòng học đều được nối Internet	32	- phòng học 26 - 3 phòng tin

			- 3 phòng thiết bị
6	Máy vi tính phục vụ quản lý đều được nối Internet	7 máy	7 máy vi tính gồm: HT: 1; PHT: 2; KT: 1, VT: 1 ; TV: 1, y tế: 1
7	Số máy in	7 máy	7 máy in gồm: HT: 1; PHT: 2; KT: 1, VT: 1, TV: 0, ĐT: 01, CD: 0
8	Máy photo	02 máy	VT quản lý

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0 m ²
XI	Nhà ăn	0 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		0
XIII	Khu nội trú	0		0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh Nam		Số m ² /học sinh	
		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1 nhà: 50m ²	0	1 nhà 120m ²	0	0,09m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

*** Danh mục Sách giáo khoa được phê duyệt:**

Sách giáo khoa lớp 10:

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Tên bộ sách
1	Toán lớp 10	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên),	Giáo dục	Chân trời sáng tạo

		Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thu Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy.	Việt Nam	
2	Vật lí lớp 10	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội, Trần Dương Anh Tài, Trường Đặng Hoài	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Hóa học lớp 10	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
4	Sinh học lớp 10	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Ngữ văn lớp 10	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh. Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
6	Lịch sử lớp 10	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
7	Địa lí lớp 10	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học sư phạm	Cánh diều
8	Tiếng Anh lớp 10	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Đại học Huế	Bright
9	Công nghệ Lý lớp 10	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
10	Công nghệ lớp Sinh 10	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng (Chủ biên), Vũ Thanh Hải, Nguyễn Công Ước, Bùi Thị Hải Yến.	Đại học sư phạm	Cánh diều

11	Tin học lớp 10	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Đình Hóa, Lê Minh Hoàng, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng.	Đại học sư phạm	Cánh điều
12	Âm nhạc lớp 10	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
13	Mỹ thuật lớp 10	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
14	Giáo dục thể chất lớp 10	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bính, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh lớp 10	Nguyễn Thiện Minh (Tổng chủ biên)	Đại học sư phạm	Cánh điều
16	Giáo dục kinh tế và Pháp luật lớp 10	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
17	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp lớp 10	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Hoàng Gia Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân.	Đại học Huế	Cánh điều
18	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng lớp 10	Phạm Thị Hồng Hải (Tổng chủ biên), Trần Đức Lợi (chủ biên), Nguyễn Quốc Túy, Lâm Mã Quốc Dũng, Trần Thị Kim Ngân, Chế Văn Dũng, Phạm Thị Thu Hiền, Tống Xuân Tám, Phạm Đức Minh, Phạm Đình Văn, Vũ Thị Bắc, Hà Thị Thanh Nga, Đào Thị Hà, Nguyễn Thanh Tuyền, Trần Đức Lâm.	Giáo dục Việt Nam	

STT	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	
2	Toán 11, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 11, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Đặng Văn Đạt	
3	Tiếng Anh 11 Bright	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Nhà xuất bản Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất - Bóng	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm	Nhà xuất bản Giáo

	chuyên 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Thị Lệ Hằng	dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất - Bóng rổ 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất - Bóng đá 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất - Cầu lông 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bính, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Phạm Thị Hồng Diệp, Dương Thị Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Dương Thị Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Hoàng Thị Thịnh	
9	Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Đào Tuấn Thành, Nguyễn Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối tri thức	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh	

	với cuộc sống)	(Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Phan Ngọc Huyền	
10	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thuý, Lê Thị Thuý	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Phan Thị Thu Hiền, Trần Thị Thanh Huyền, Đặng Bảo Ngọc, Lê Thị Thuý	
11	Tin học 11, Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Hồ Cẩm Hà, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Hồ Cẩm Hà, Lê Minh Hoàng, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thanh Tùng	
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Chí Trung (Chủ biên), Trần Văn Hưng, Phạm Thị Anh Lê	
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Đỗ Đức Đông (Chủ biên), Nguyễn Khánh Phương, Đỗ Phan Thuận	
12	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoàng Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Phùng Xuân	

	11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lan, Trương Đức Phúc	
13	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh	
15	Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	
17	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Nam Phương, Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thanh Xuân	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
18	Địa lí 11 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ (Chủ biên), Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Hoàng Sơn	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – thiết bị giáo dục Việt
	Chuyên đề học	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn	

	tập Địa lí 11 (Cánh Diều)	Đức Vũ (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Sơn	Nam
19	Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đặng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội	
20	Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	
21	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng lớp 11	Phạm Thị Hồng Hải (Tổng chủ biên), Trần Đức Lợi (chủ biên), Nguyễn Quốc Túy, Lâm Mã Quốc Dũng, Trần Thị Kim Ngân, Chế Văn Dũng, Phạm Đình Văn, Nguyễn Thanh Tuyền, Hà Thị Nga, Vũ Thị Bắc, Hà Thị Thanh Nga, Nguyễn Minh Hiếu, Trần Đức Lâm.	Giáo dục Việt Nam

Sách giáo khoa 12

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 12, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 12, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Vũ Như Thư Hương, Ngô	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Nam
	Chuyên đề học tập Toán 12 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Ngô Hoàng Long	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.	Ngữ văn 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 12Bright	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Nhà xuất bản Đại học Huế
4.	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Doan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Doan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam
5.	Giáo dục quốc	Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên),	Đại học Sư

	phòng và an ninh 12 (Cánh điều)	Nguyễn Đức Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Ưông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh.	phạm
6.	Hóa học 12 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7.	Công nghệ 12 Công nghệ Điện- Điện Tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện- Điện Tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8.	Vật lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (đồng Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đặng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (đồng Chủ biên), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đặng Hoài Thu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9.	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung	
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Phan Ngọc Huyền, Trần Thiện Thanh, Nguyễn Thị Mai Hoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10.	Tin học 12, Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Hồ Sĩ Bàng, Phạm Văn Đại, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thị Thùy Liên, Lê Anh Ngọc	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam
	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hoàng Văn Kiếm (Tổng Chủ biên), Đinh Thị Thu Hương, Ngô Quốc Việt (đồng Chủ biên), Trần Quang Vĩnh Chánh, Lục Văn Hào, Võ Ngọc Hà Sơn, Võ Thạch Chí Trường, Phạm Văn Tú, Nguyễn Đăng Thế Vinh	(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hoàng Văn Kiếm (Tổng Chủ biên), Đinh Thị Thu Hương, Ngô Quốc Việt (đồng Chủ biên), Trần Quang Vĩnh Chánh, Lục Văn Hào, Võ Ngọc Hà Sơn, Võ Thạch Chí Trường, Phạm Văn Tú, Nguyễn Đăng Thế Vinh	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam
11.	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất - Bóng rổ 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất - Bóng đá	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Lê Trường Sơn Chấn	Nhà xuất bản Giáo

	12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất - Cầu lông 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trình Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12.	Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên), Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (đồng Chủ biên), Huỳnh Ngọc Sao Ly, Hoàng Trọng Tuấn, Phạm Thị Bạch Tuyết, Trần Quốc Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên), Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (đồng Chủ biên), Huỳnh Ngọc Sao Ly, Hoàng Trọng Tuấn, Phạm Thị Bạch Tuyết	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13.	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Hoàng Long	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14.	Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Ngọc Tuấn (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Phạm Thị Lam Hồng, Đoàn Thị Ninh	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Ngọc Tuấn (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Phạm Thị Lam Hồng, Đoàn Thị Ninh	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam

			(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
15.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
16.	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng lớp 12	Phạm Thị Hồng Hải (Tổng chủ biên), Trần Đức Lợi (chủ biên), Nguyễn Quốc Túy, Lâm Mã Quốc Dũng, Trần Thị Kim Ngân.	Giáo dục Việt Nam

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục
- + Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- + Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.
- Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	X
Tiêu chí 1.3		X	X	X

Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	X
Tiêu chí 1.9		X	X	X
Tiêu chí 1.10		X	X	X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả	Ghi chú
----------	---------	---------

	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí M4.01	X		
Tiêu chí M4.02		X	
Tiêu chí M4.03		X	
Tiêu chí M4.04	X		
Tiêu chí M4.05		X	
Tiêu chí M4.06		X	

Kết quả: Không đạt

Kết luận: Trường Đạt kiểm định mức 3, Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2025-2026

a. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ công văn số 148/SGDĐT-TCHC ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Sở Giáo dục & Đào tạo Lâm Đồng về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2025-2026;

- Căn cứ điều kiện về CSVC và đội ngũ của trường.

b. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

- + Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.
- + Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi.
- + Tăng tỷ lệ huy động học sinh tới trường; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ lưu ban.

- Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- + Mục tiêu về số lượng
- + Phần đầu tỉ lệ lên lớp thẳng đạt từ 99% trở lên.
- + Giảm tỉ lệ học sinh bỏ học trong năm còn dưới 0,5%.
- + Phần đầu tỉ lệ đỗ TNTHPT đạt 100%.
- + Tỉ lệ học sinh đỗ CĐ, ĐH đạt trên 85%
- + Phần đầu bồi dưỡng có học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn văn hóa.
- + Phần đầu có 45 học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên.

c. Quy mô

	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Kế hoạch năm học 2025 - 2026
--	--------------------------------------	-------------------------------------

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp
10	11	501	45,5	11	500	45,5
11	11	480	43,6	11	500	45,5
11	11	403	36,6	11	480	43,6
Cộng	33	1384	42	33	1480	44,85

2. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh:

a) Tuyển thẳng:

- Học sinh tốt nghiệp THCS tại trường PTDTNT Di Linh có đăng ký thường trú thuộc địa bàn tuyển sinh của nhà trường.

- Học sinh là người dân tộc rất ít người, tốt nghiệp THCS và có đăng ký thường trú thuộc địa bàn tuyển sinh của nhà trường.

- Học sinh khuyết tật có đăng ký thường trú tại địa bàn tuyển sinh của nhà trường, có giấy xác nhận khuyết tật của UBND cấp xã theo quy định tại Thông tư 01/2019-TT-BLĐTBXH.

b) Xét tuyển:

Đối tượng, độ tuổi tuyển sinh, điều kiện dự tuyển; phương thức tuyển sinh; điểm xét tuyển; cách xét tuyển: Thực hiện theo Hướng dẫn số 83/SGDĐT-QLCL ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Sở GD&ĐT Lâm Đồng về việc hướng dẫn tuyển sinh mầm non, phổ thông năm học 2025-2026.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 11 lớp

- Số HS: 500 học sinh

4. Thời gian đăng ký nhập học

Từ ngày 05/7/2025 đến 17 giờ ngày 18/7/2025. Thời gian hoàn thành việc nhập học là trước 17 giờ ngày 18/7/2025. Sau thời hạn này, nếu học sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

5. Hồ sơ nhập học

+ Phiếu ĐKTS;

+ Giấy khai sinh: Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực;

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, tuyển thẳng do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

+ Học bạ cấp THCS (nếu trường THCS chưa xử dụng học bạ điện tử và chuyển về trường THPT Di Linh);

+ Bản photo của một trong các giấy tờ sau: Căn cước công dân (CCCD)/ giấy Hẹn trả thẻ CCCD/ giấy Thông báo số định danh cá nhân/ giấy Xác nhận thông tin về cư trú do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;

+ Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với trường hợp học sinh là người khuyết tật.

- Trường THPT Di Linh có quyền từ chối tiếp nhận người trúng tuyển nhập học trong trường hợp:

+ Phát hiện thông tin từ các giấy tờ hồ sơ dự tuyển và dữ liệu ĐKTS không đồng nhất.

+ Từ các giấy tờ hồ sơ, nhà trường xác định người học không đảm bảo các điều kiện dự tuyển, trúng tuyển.

+ Không xác nhận nhập học đúng thời gian quy định

6. Đăng ký lựa chọn tổ hợp môn

Mỗi học sinh được đăng ký tối đa 2 nguyện vọng (nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2), học sinh đăng ký trực tiếp khi làm thủ tục nhập học. Căn cứ số lượng đăng ký theo nguyện vọng, nhà trường xét điểm tuyển sinh từ cao xuống thấp để xếp lớp đủ chỉ tiêu theo dự kiến. Trường hợp có nhiều học sinh đăng ký vào cùng tổ hợp vượt quá số lượng thì xét chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Điểm trúng tuyển cao hơn;

+ Điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn;

+ Tổng điểm trung bình cả năm học lớp 9 của môn Toán và môn Ngữ văn cao hơn.

Danh sách tổ hợp môn lựa chọn cụ thể như sau:

Mã tổ hợp	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp	Số lượng học sinh	Chuyên đề học tập
TN1	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	06	270	Toán -Vật lý -Hóa học
XH	Địa lý, Giáo dục kinh tế pháp luật, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp	05	230	Văn - Địa lý - Giáo dục kinh tế pháp luật

7. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả giáo dục và rèn luyện học sinh lớp cuối năm học 2024- 2025

Sĩ số	Kết quả học tập							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1372	513	37.39%	667	48.62%	176	12.83%	1	0.07%

Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1372	1300	94.75%	58	4.23%	0	0.00%	0	0.00%

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT : Năm học 2024 - 2025: tỉ lệ 99,8%.

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 10: 486.

Kết quả học sinh đạt được trong năm học 2024-2025

Năm học 2024- 2025, các em học sinh cũng góp phần tạo nên những con số ấn tượng:

+ Có 75 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp trường

+ Có 35 học sinh đại giải học sinh giỏi cấp Tỉnh (*01 giải nhất, 8 giải nhì, 10 giải ba, 16 giải KK*)

+ Có 01 đề tài với 03 học sinh tham gia đạt giải ba Ngày hội khởi nghiệp cấp Tỉnh

+ Có 01 đề tài với 2 học sinh tham gia đạt giải nhì cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp cấp Tỉnh.

+ Có 01 đề tài với 2 học sinh tham gia đạt giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

+ Có 03 học sinh đạt giải cuộc thi tin học văn phòng thế giới cấp Tỉnh.

+ Có 01 giải ba Hội thao QPAN cấp Tỉnh

+ Đạt 01 huy chương vàng Olympic tin học miền trung, Tây nguyên

+ Đạt 07 huy chương tại Đại hội TDTT cấp tỉnh (4HCV, 1HCB, 02HCB)

+ Đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cuộc thi YERSIN TALENL – đổi mới sáng tạo năm 2025.

+ Đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích cuộc thi OLYMPIC trí tuệ nhân tạo toàn Quốc được.

+ Đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích cuộc thi sang tạo thanh thiếu niên tỉnh Lâm Đồng lần thứ 21 năm 2025.

+ Đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích tin học trẻ cấp tỉnh năm 2025.

+ Đạt giải nhất toàn đoàn hội thi Bình đẳng giới do Sở GD&ĐT tổ chức.

+ Có 511 học sinh đạt học sinh giỏi và học sinh xuất sắc cuối năm học (87 học sinh đạt danh hiệu học sinh

Kết quả học sinh đạt được trong học kỳ I năm học 2025-2026

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		1429	349	24.42%	668	46.75%	292	20.43%	47	3.29%
Khối 10		463	87	18.79%	189	40.82%	124	26.78%	44	9.50%
Khối 11		496	146	29.44%	247	49.80%	96	19.35%	1	0.20%
Khối 12		470	116	24.68%	232	49.36%	72	15.32%	2	0.43%

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		1429	1205	84.32%	153	10.71%	13	0.91%	0	0.00%
Khối 10		463	353	76.24%	93	20.09%	10	2.16%	0	0.00%
Khối 11		496	451	90.93%	38	7.66%	3	0.60%	0	0.00%
Khối 12		470	401	85.32%	22	4.68%	0	0.00%	0	0.00%

+ Có 81 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp trường.

+ Có 07 đề tài KHKT đạt giải cấp trường và chọn 01 đề tài tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

+ Có 01 học sinh lọt vào đội tuyển học sinh giỏi Quốc gia và tham gia thi HSG Quốc gia môn Tin học.

+ 49 học sinh đạt học sinh giỏi cấp Tỉnh

+ 05 học sinh đạt huy chương tại Đại hội TDTT ngành giáo dục.

+ Có 01 đề tài đạt giải KHKT cấp Tỉnh.

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước

cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 23/ QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng Về việc điều chỉnh giảm 10% chi thường xuyên của Trường THPT Di Linh

Căn cứ Quyết định số 1067/ QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng Về việc cấp chế độ học sinh năm học 2025-2026 của Trường THPT Di Linh.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

*** Nguồn ngân sách 2025:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	399.700.000
a	Học phí	372.792.000
b	Thu từ cấp bù học phí	26.908.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.981.000.000
a	Chi lương	18.162.000.000
b	Chi hoạt động	1.819.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.981.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	19.981.000.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.981.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.981.000.000
3.11	Quỹ tiền lương	18.162.000.000
3.12	Chi hoạt động	1.819.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.235.192.000
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	790.000.000
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	0
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	26.908.000

3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	0
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	0
3.2.6	Chi phí học tập	85.750.000
3.2.7	Học sinh khuyết tật	0
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
3.2.9	Chế độ của ND 76/2019/ND-CP	0
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.11	Các chế độ khác	0
3.2.12	Chi khác	42.000.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024 - 2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	57	42.750.000	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	57	43.000.000	
Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn nhà ở theo ND 66/2025/ND-CP			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	63	292.500.000	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	63	350.000.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2025 - 2026 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền nước uống	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Tiền vệ sinh	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Tiền giấy photo	đồng/học sinh/năm học	0	

	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc năm 2025.

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	116.960.040	TK 3713.0.1011662.00000
3	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	15.769.869	TK 3716.0.10811662.00000

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	80	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	10.117.122.179	
III	Các khoản giảm trừ		0	
	Số lượng NPT tính giảm trừ		0	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		13.411.200.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		0	
3	Bảo hiểm được trừ		0	
4	Bảo hiểm được trừ		1.828.995.749	
V	Thu nhập tính thuế		0	

6. Công khai dự toán thu chi năm 2025

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán ước thực hiện năm 2025	Dự toán thực hiện năm 2025	Dự toán thực năm nay so với cùng kỳ năm
-----	----------	----------------------	--------------------------------	----------------------------	---

					trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
	Tiền lương	9.234.064.087	9.234.064.087	9.234.064.087	
	Lương hợp đồng theo chế độ	396.000.000	396.000.000	396.000.000	
	Phụ cấp lương	5.920.394.551	5.920.394.551	5.920.394.551	
	Các khoản đón góp	2.268.251.413	2.268.251.413	2.268.251.413	
	Tiền thưởng	1.470.280.000	1.470.280.000	1.470.280.000	
	Phúc lợi tập thể	875.868.880	875.868.880	875.868.880	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	254.744.434	254.744.434	254.744.434	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	133.200.287	133.200.287	133.200.287	
	Vật tư văn phòng	153.210.266	153.210.266	153.210.266	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	88.912.874	88.912.874	88.912.874	
	Công tác phí	256.870.000	256.870.000	256.870.000	
	Chi phí thuê mướn	390.000.000	390.000.000	390.000.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	155.989.820	155.989.820	155.989.820	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	157.207.950	157.207.950	157.207.950	
	Chi khác	83.740.000	83.740.000	83.740.000	
	Chi công tác Đảng				
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	42.000.000	42.000.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi từ học phí				
	Tiền lương	28.600.000	28.600.000	28.600.000	
	Lương hợp đồng theo chế độ	8.000.000	8.000.000	8.000.000	
	Phụ cấp lương	86.400.000	86.400.000	86.400.000	
	Các khoản đón góp	0	0	0	
	Tiền thưởng	45.000.000	45.000.000	45.000.000	
	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0	0	

	Thanh toán dịch vụ công cộng	0	0	0	
	Vật tư văn phòng	50.634.000	50.634.000	50.634.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	0	0	
	Công tác phí	0	0	0	
	Chi phí thuê mướn	42.373.000	42.373.000	42.373.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	120.114.000	120.114.000	120.114.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	150.358.000	150.358.000	150.358.000	
	Chi khác	10.300.000	10.300.000	10.300.000	
	Chi công tác Đảng	25.125.000	25.125.000	25.125.000	
3	Nguồn thu giữ xe				
	Chi nộp thuế TNDN	4.100.000	4.100.000	4.100.000	
	Chi nộp thuế GTGT	4.100.000	4.100.000	4.100.000	
	Tiền công giữ xe	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
	Chi khác	73.951.000	73.951.000	73.951.000	
4	Nguồn thu căn tin				
	Chi nộp thuế TNDN	2.350.000	2.350.000	2.350.000	
	Chi nộp thuế GTGT	2.350.000	2.350.000	2.350.000	
	Chi khác	42.300.000	42.300.000	42.300.000	
	Chi sửa chữa CSVC				

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tháng 01/2025: Kỷ niệm ngày Học sinh sinh viên; tổ chức Hội trại và các hoạt động “Mừng Đảng, Mừng Xuân Ất Ty năm 2025”.
- Tháng 02/2025: Tổ chức giải bóng đá nữ học sinh.
- Tháng 3/2025: Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3.
- Tháng 4/2025: Tổ chức các hoạt động TDTT
- Tháng 5/2025: Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Tháng 6/2025: Tổ chức Lễ Tri ân, trưởng thành cho học sinh lớp 12.
- Tháng 7, 8/2025: Hoạt động hè tại địa phương
- Tháng 9/2025: Ngoại khóa an toàn giao thông, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội. Ngoài hoạt động ngoại khóa này, công tác ATGT được tiếp tục thực hiện xuyên suốt trong cả năm học.

- Tháng 10/2025: Tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp PNVN và tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời.

- Tháng 11/2025: Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; tổ chức Hội diễn Văn nghệ chào mừng kỷ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

- Tháng 12/2025: Tổ chức phát động phong trào học Tiếng Anh trong nhà trường. Kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam, ngày Quốc phòng toàn dân.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2025 của trường THPT Di Linh./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(b/c);
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Cao Xuân Tuấn